CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Thaiholdings

Ngày 30/09/2024	35,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**0.9%**	**1.4%**

DT thuần
Q3/24
245
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.0| 11.5%
YoY: ▲ 33.0| 15.7%

LN thuần
Q3/24
32.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.1| 333%
YoY: ▼63.7| -66.2%

LN sau thuế
Q3/24
25.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.1| 1183%
YoY: ▼36.2| -58.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
13.1%
YoY: +/-▲ 11.2%

ROE (TTM)
Q3/24
2.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

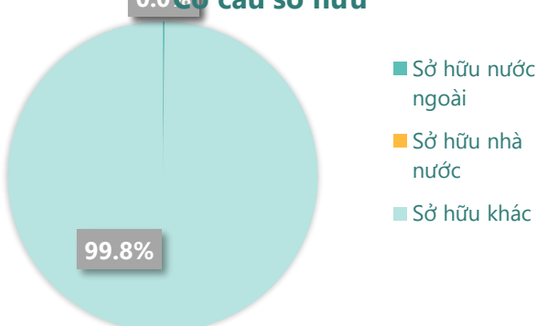
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	34,700 - 37,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,667
Số lượng CPLH (CP)	384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,170
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.11
EPS	337
P/E	105.3

DT thuần
9T 2024
740
tỷ VNĐ
YoY: ▼792| -51.7%

LN thuần
9T 2024
91.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 105| 808%

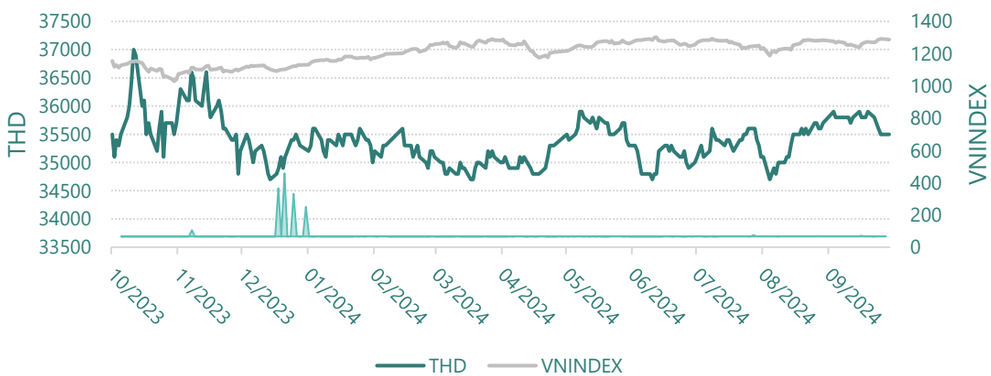
LN sau thuế
9T 2024
72.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼89.4| -55.1%

Cơ cấu sở hữu

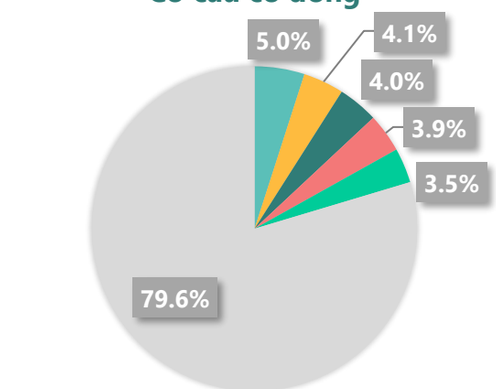


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

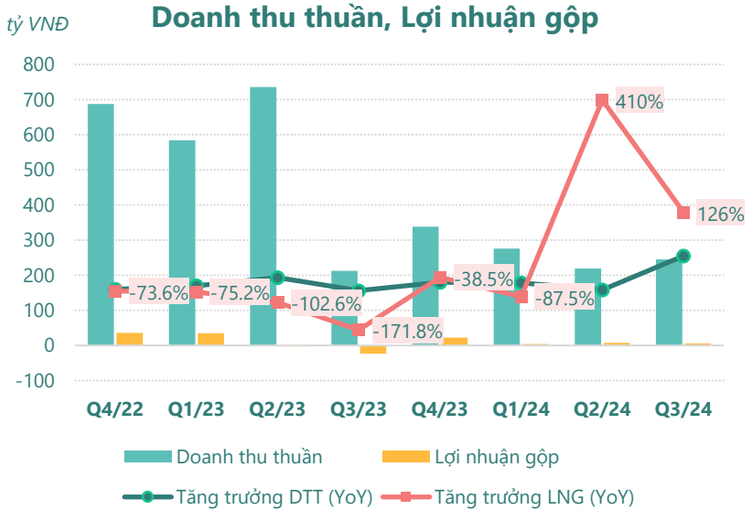


- Nguyễn Văn Hà
- Nguyễn Chí Kiên (Chủ tịch HĐQT)
- Ngô Quyết Tiến (Phó Tổng giám đốc)
- Bùi Thị Thanh Nhàn (Thành viên Ban kiểm soát)
- Trịnh Văn Thiệm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

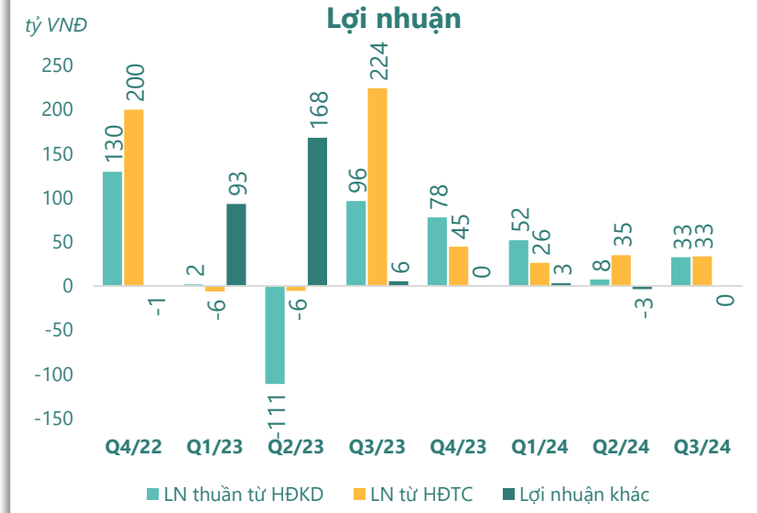
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



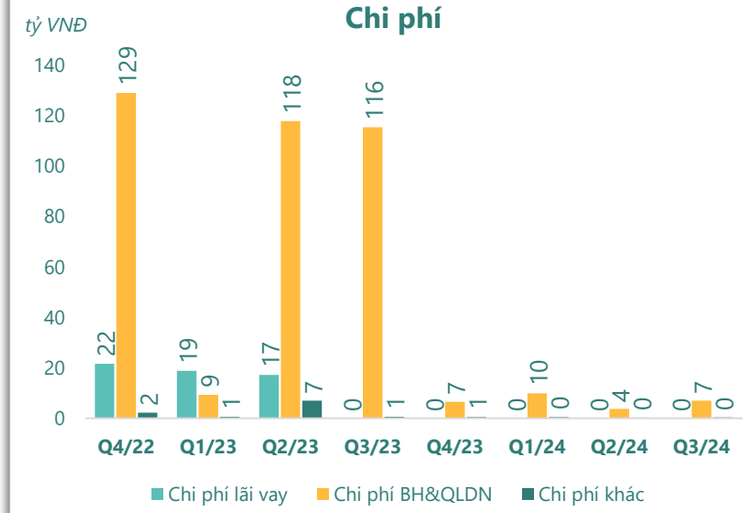
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



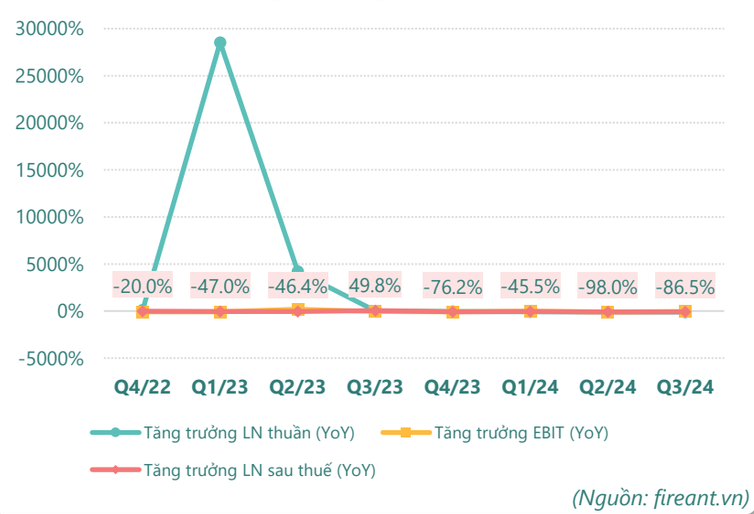
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



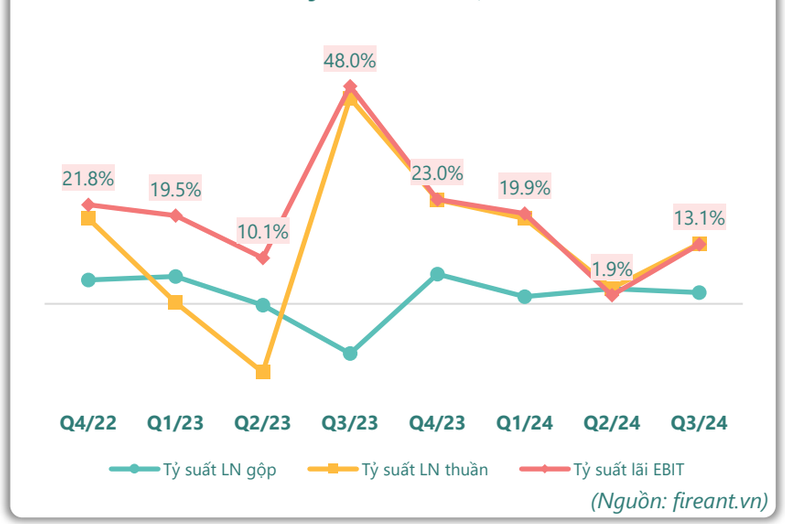
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



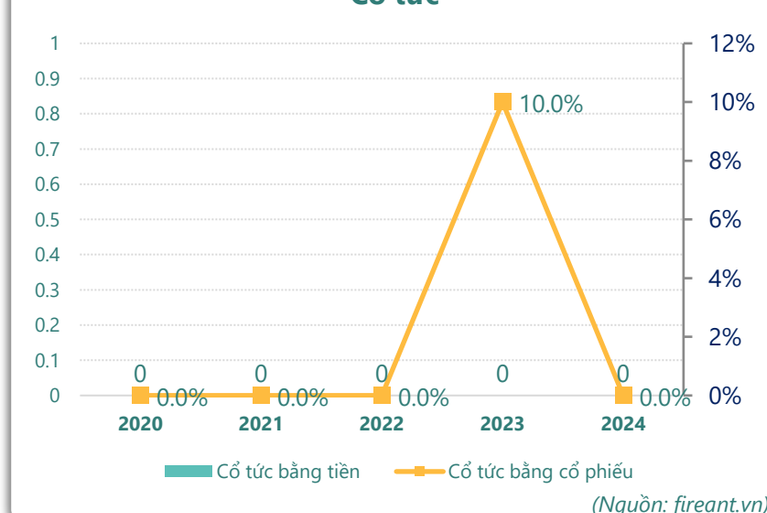
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

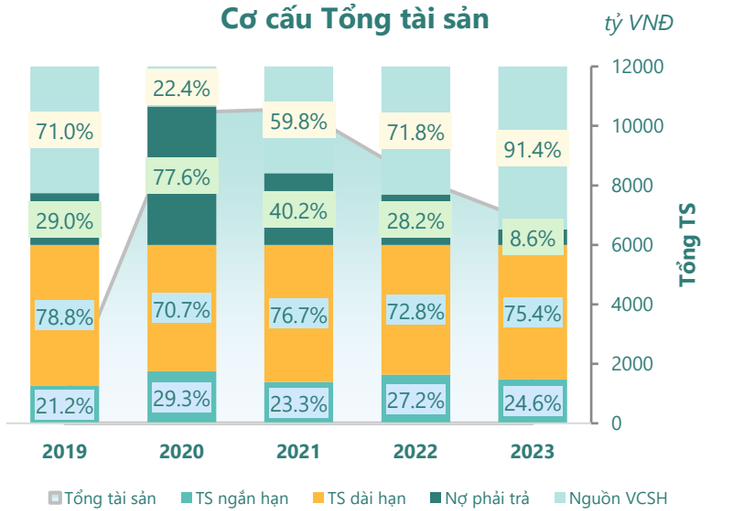
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

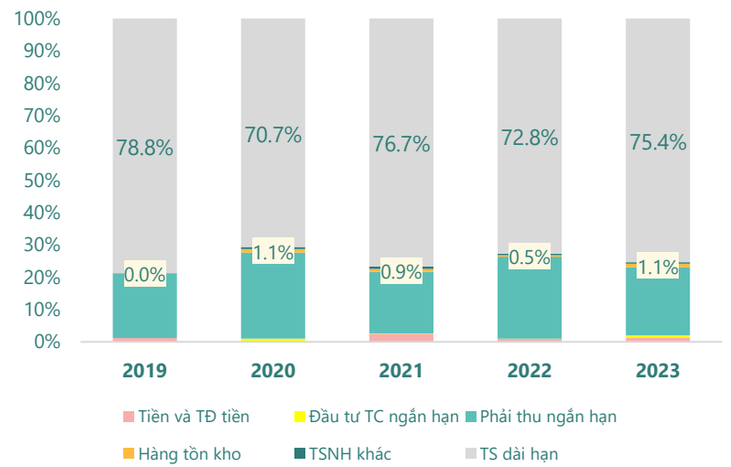
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



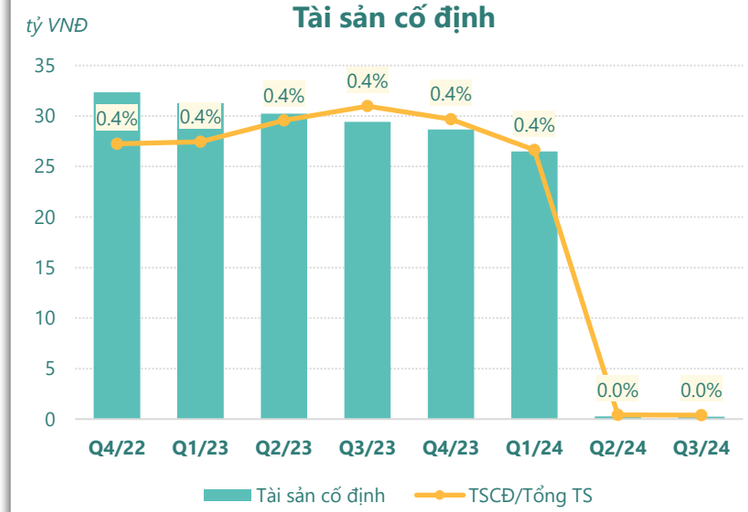
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



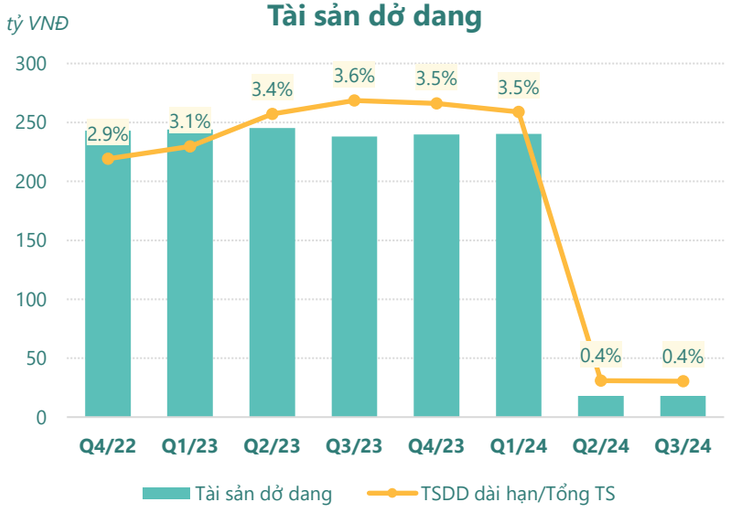
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



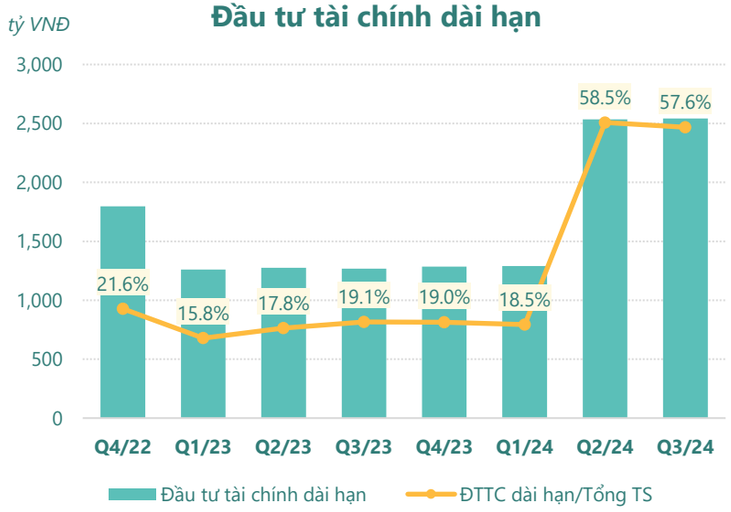
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



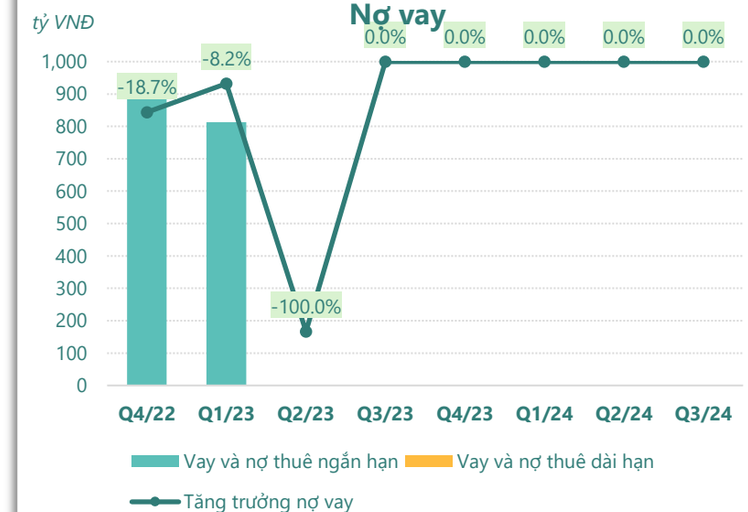
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

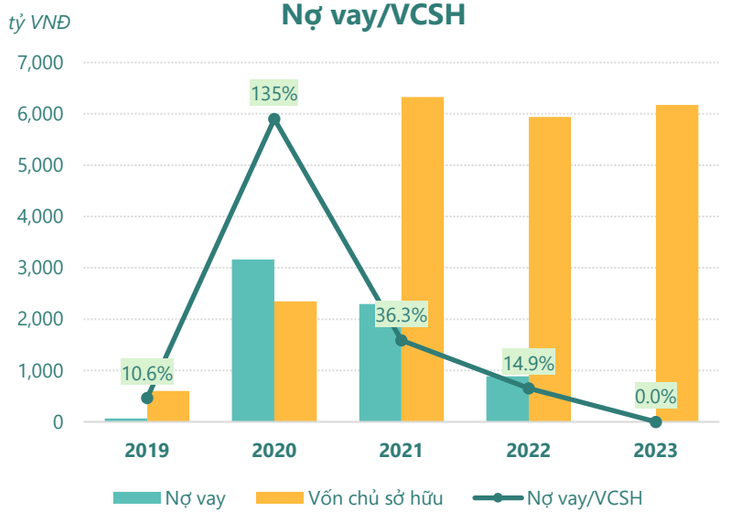
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

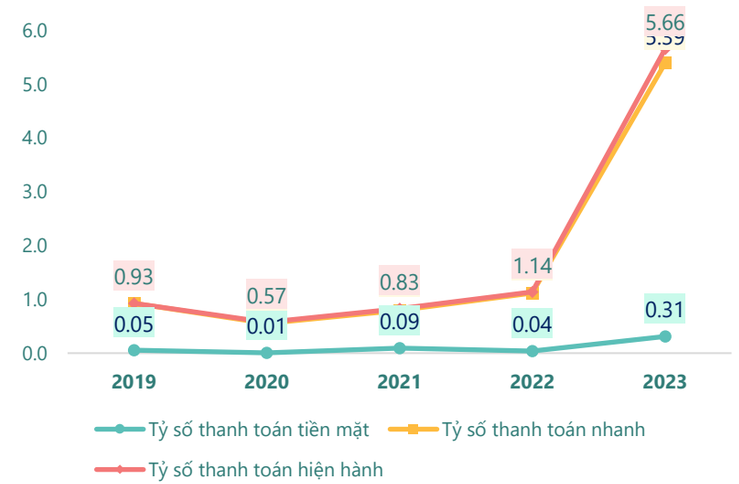
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



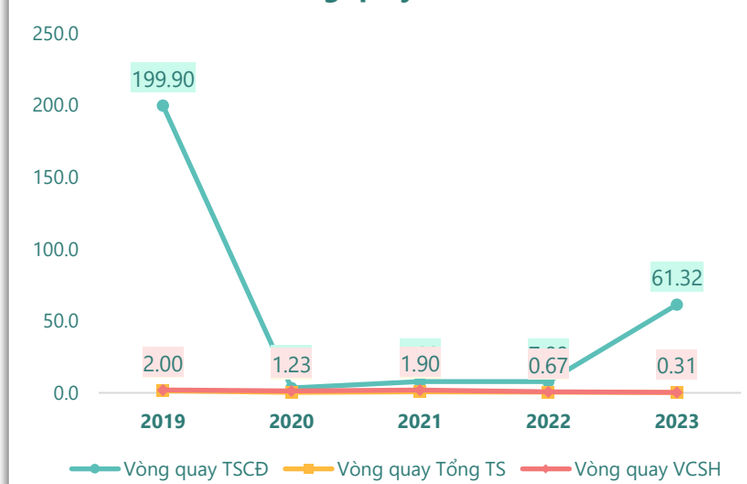
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



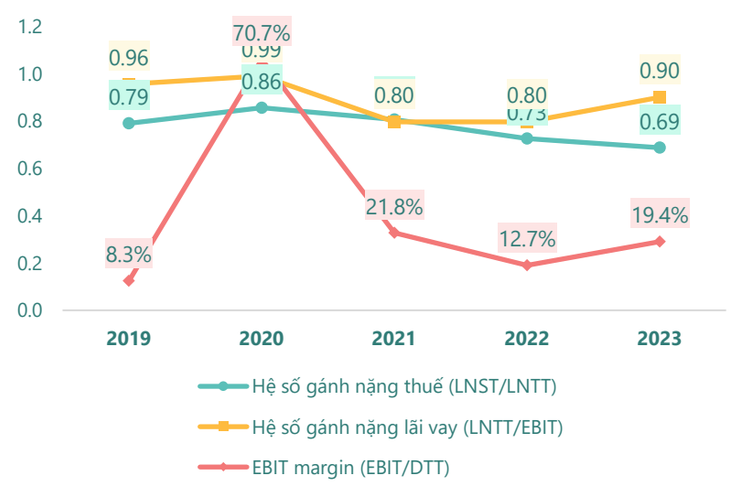
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



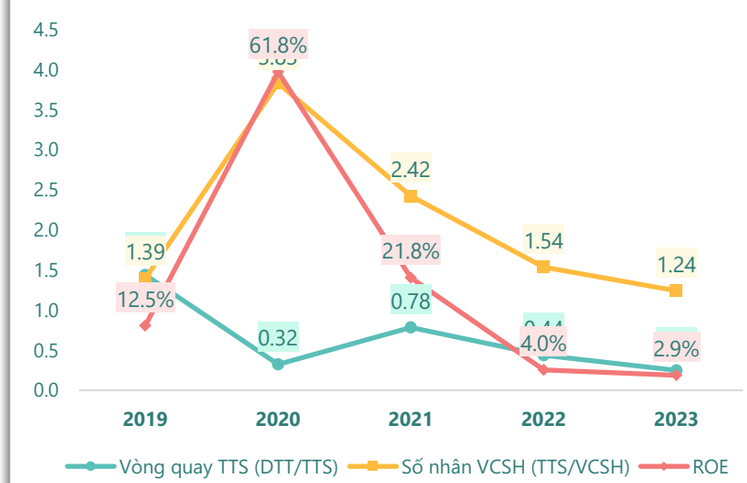
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



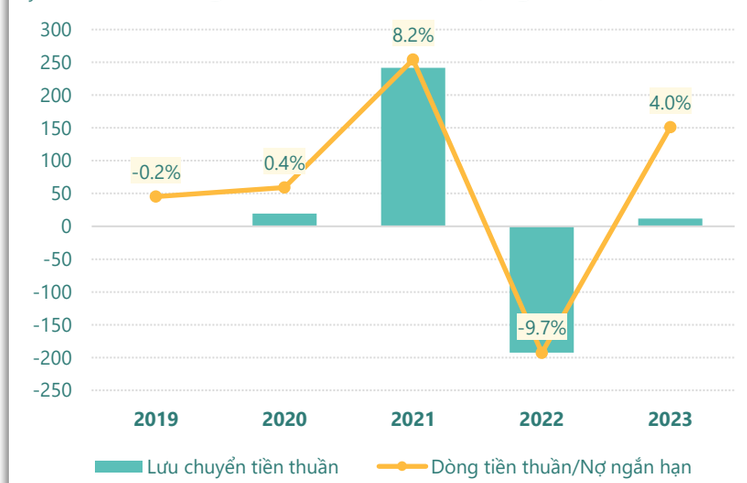
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**245**	**212**	**15.7%**	**740**	**1,532**	**-51.7%**
Giá vốn hàng bán	239	236	1.3%	723	1,522	-52.5%
Lợi nhuận gộp	6.04	-23.3	126%	17.7	9.64	83.8%
Doanh thu HĐTC	25.6	224	-88.6%	65.4	250	-73.9%
Chi phí TC	-7.87	0.00		-29.3	38.0	-177%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	36.0	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**11.1**	**-100%**	**0**	**7.80**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0.51	0.19	167%	1.11	1.38	-19.9%
Chi phí QLDN	**6.44**	**115**	**-94.4%**	**19.5**	**241**	**-91.9%**
LN thuần từ HĐKD	32.6	96.3	-66.2%	91.9	-13.0	808%
Lợi nhuận khác	**-0.38**	**5.53**	**-107%**	**-0.71**	**267**	**-100%**
LN trước thuế	32.2	102	-68.4%	91.2	254	-64.1%
Lợi nhuận sau thuế	**25.7**	**61.9**	**-58.5%**	**72.6**	**162**	**-55.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**25.7**	**37.5**	**-31.5%**	**72.6**	**124**	**-41.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,649	-260	251	0.79	-16.5	-20.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-681	107	-182	48.9	-69.9	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-813	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	22.7	178	25.7	91.1	141	33.9
Lưu chuyển tiền thuần	**156**	**-152**	**69.2**	**49.7**	**-86.4**	**-20.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	178	25.7	95.0	141	33.9	13.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,416**	**6,756**	**-34.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,656	1,660	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	13.2	91.1	-85.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	45.1	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,630	1,421	14.7%
Hàng tồn kho	0	77.6	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	25.7	-50.7%
Tài sản dài hạn	**2,760**	**5,095**	**-45.8%**
Phải thu dài hạn	94.0	712	-86.8%
Tài sản cố định	0.25	28.7	-99.1%
Bất động sản đầu tư	0	105	-100%
Tài sản dở dang	17.9	240	-92.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,542	1,280	98.6%
Tài sản dài hạn khác	**106**	**1,353**	**-92.1%**
Lợi thế thương mại	0	1,377	-100%
Nợ phải trả	114	584	-80.5%
Nợ ngắn hạn	**107**	**294**	**-63.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	71.4	66.8	7.0%
Nợ dài hạn	7.08	291	-97.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,302**	**6,172**	**-30.3%**
Vốn chủ sở hữu	**4,302**	**6,172**	**-30.3%**
Vốn điều lệ	3,850	3,850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)